

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 1281/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị
sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy
định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng
Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về phân cấp quản lý,
sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ
Giao thông vận tải”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết
định số 2147/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về
việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước,
đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Căn cứ quy định ban hành kèm theo Quyết định này, Thủ trưởng các
cơ quan, đơn vị quyết định việc mua sắm, sửa chữa, quản lý và xử lý tài sản của cơ
quan, đơn vị; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng Bộ Giao thông
vận tải về quyết định của mình.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục
Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục, Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn

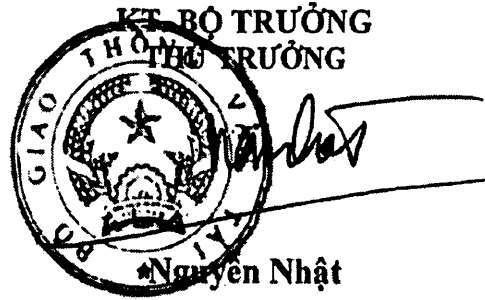
C. Nguyễn
Sơn
L. A. C. C.
C. A. P. H. N. G.
H. H. I. E. N.
27/6
C. W.



vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- KBNN Trung ương;
- Cục Quản lý công sản – Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TC (Hành, 10bn).



QUY ĐỊNH

VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành theo Quyết định số 1281/QĐ-BGTVT ngày 19/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

a. Quy định này quy định về phân cấp một số nội dung trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Đối với các nội dung quản lý khác thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

b. Tài sản công trong Quy định tại Quyết định này là tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải (không bao gồm tài sản là kết cấu hạ tầng giao thông).

2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi chung là đơn vị thuộc Bộ).

Chương 2.

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định về pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a. Đối với các trường hợp không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô:

- Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ được quyết định mua sắm các tài sản có giá trị từ 01 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản đến dưới 10 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản đối với các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ.

- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ được quyết định mua sắm các tài sản có giá trị dưới 01 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản.

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ (không bao gồm Tổng cục đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ) được quyết định mua sắm các tài sản có giá trị dưới 05 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản.

b. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định trong việc thuê tài sản

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ được quyết định thuê các tài sản có giá thuê từ 500 triệu đồng đến dưới 5 tỷ đồng trong một năm hoặc có tổng giá trị hợp đồng thuê từ 02 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản đối với các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ được quyết định thuê tài sản có giá thuê trong một năm dưới 500 triệu đồng hoặc tổng giá trị hợp đồng thuê dưới 02 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ (không bao gồm Tổng cục đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ) được quyết định thuê tài sản có giá thuê dưới 01 tỷ đồng trong một năm hoặc tổng giá trị hợp đồng thuê dưới 05 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 4. Khoản kinh phí sử dụng tài sản công.

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ quyết định mức khoán cụ thể đối với cán bộ, công chức, người lao động của cơ quan mình đối với các trường hợp sau:

- Có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ mà Nhà nước không có nhà ở công vụ để bố trí.

- Có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị mà đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị trang bị cho cá nhân để phục vụ nhiệm vụ được giao.

2. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định riêng.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định thu hồi các tài sản tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ quyết định thu hồi các tài sản tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thu hồi tài sản trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định điều chuyển các tài sản (trừ các tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ quyết định điều chuyển các tài sản (trừ các tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc điều chuyển tài sản trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được thực hiện như sau:

a. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ quyết định bán các tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản đến dưới 1 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ.

b. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ quyết định bán các tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản.

c. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ (không bao gồm Tổng cục đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ) quyết định bán các tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc bán tài sản trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong trường hợp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phải di dời do ô nhiễm môi trường hoặc thuộc đối tượng thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà đơn vị phải có trách nhiệm thanh lý thì thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định việc thanh lý.

2. Đối với tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được quy định như sau:

H
C
/
H
/
C
/

a. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ quyết định thanh lý các tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản đến dưới 1 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ.

b. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ quyết định thanh lý các tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản.

c. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ (không bao gồm Tổng cục đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ) quyết định thanh lý các tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thanh lý tài sản trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công.

1. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được thực hiện như sau:

a. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ quyết định tiêu hủy đối với tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản đến dưới 10 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ .

b. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ quyết định tiêu hủy đối với các tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 01 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản.

c. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ (không bao gồm Tổng cục đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ) quyết định tiêu hủy đối với các tài sản giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 05 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

1. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được thực hiện như sau:

a. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ quyết định xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản đến dưới 10 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ .

b. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ quyết định xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản có giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 01 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản.

c. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ (không bao gồm Tổng cục đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ) quyết định xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 05 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp.

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải.

2. Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 12. Đối với việc sửa chữa tài sản công.

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

Việc sửa chữa tài sản công được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và theo phân cấp riêng của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (hiện nay là Quyết định số 2783/QĐ-BGTVT ngày 12/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phân cấp, ủy quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý, đầu tư).

2. Đối với các tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ quyết định việc sửa chữa tài sản có dự toán kinh phí sửa chữa từ 2 tỷ đồng trở lên đến dưới 20 tỷ đồng trên một lần sửa chữa đối với một đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ quyết định việc sửa chữa tài sản có dự toán kinh phí sửa chữa dưới 2 tỷ đồng trên một lần sửa chữa đối với một đơn vị tài sản.

c. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ (không bao gồm Tổng cục đường bộ Việt Nam, các Cục trực thuộc Bộ) quyết định việc sửa chữa tài sản có dự toán kinh phí sửa chữa dưới 5 tỷ đồng trên một lần sửa chữa đối với một đơn vị tài sản.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sửa chữa tài sản trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 13. Công tác kiểm tra, thanh tra

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trực thuộc Bộ.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ có trách nhiệm quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ.

3. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị mình.

4. Khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, cơ quan thanh tra, kiểm tra có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra xuất trình các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị. Nếu phát hiện vi phạm, có quyền xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương 3.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ các quy định của Nhà nước tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Quyết định số 50/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và phân cấp quản lý tài sản tại Quy định này, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công đúng quy định, tiết kiệm, có hiệu quả.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản công thuộc phạm vi mình quản lý theo đúng quy

định hiện hành của Nhà nước và những nội dung phân cấp quản lý tài sản công tại Quy định này.

3. Đối với các văn bản được trích dẫn trong Quyết định này, trường hợp được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ để xem xét, giải quyết./

2
4
11